TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN TRƯỜNG** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 103/2022/HNGĐ-ST
Ngày 11 - 8- 2022
V/v ly hôn giữa
Anh H và chị T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN TRƯỜNG, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Ngọc Quỳnh.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Hùng;

Bà Nguyễn Thị Minh Huệ.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tùng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Xuân Trường.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Trường tham gia phiên toà: ông Đặng Xuân Tự - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Xuân Trường xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 37/2022/TLST-HNGĐ, ngày 06/4/2022; về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47 /2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22/7/2022, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Anh Trần Quang H, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Xóm 3 (xóm 5 cũ), xã X, huyện X, tỉnh Nam Định;

* *Bị đơn*: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Xóm 3 (xóm 5 cũ), xã X, huyện X, tỉnh Nam Định.

(Tại phiên tòa anh H, chị T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Toà án, nguyên đơn anh Trần Quang H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn tự nguyện có đăng ký tại UBND xã X ngày 02/10/2019. Trong cuộc sống vợ chồng hòa thuận khoảng 8 tháng sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, khi sinh con được 3 tháng tức tháng 7/2020 chị T bỏ nhà đi đến tháng 4/2021 có về sinh nhật con. Đến tháng 9/2021 chị T viết đơn ly hôn để lại cho anh rồi bỏ nhà đi không liên lạc với anh mà chỉ có bố mẹ chị T

mới liên hệ được. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị ly hôn chị T.

Về con chung: Anh chị có 1 con chung là Trần Gia H, sinh ngày 01/4/2020 hiện đang ở với anh. Khi ly hôn anh xin nuôi con không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản, nghĩa vụ tài sản của vợ chồng: anh không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết. Anh có đơn xin xét xử vắng mặt .

Chị Nguyễn Thị T vắng mặt tại phiên tòa. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án thông báo nhiều lần tham gia tố tụng nhưng chị vẫn không có mặt. Bố chị là ông Nguyễn Văn C xác định anh H và chị T kết hôn tự nguyện có đăng ký. Anh chị mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp. Đôi khi anh H đánh chị T đuổi khỏi nhà nên chị T phải bỏ đi làm ăn. Ông mong anh chị đoàn tụ nuôi con còn nếu anh H quyết tâm ly hôn thì đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật. Anh chị có 01 con chung là Trần Gia H sinh 01/4/2020 đang ở với anh H, hiện tại thì nên giao cho anh H tạm thời nuôi con. Tài sản chung anh chị không có gì.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và Nguyên đơn kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đầy đủ, đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa chấp hành nghiêm trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 228, điểm b khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xử cho ly hôn giữa anh Trần Quang H và chị Nguyễn Thị T. Giao con chung là Trần Gia H, sinh ngày 01/4/2020 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của anh không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con chung cho anh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa canh Trần Quang H và chị Nguyễn Thị T là hợp pháp. Vợ chồng chung sống không hạnh phúc, nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm sống, chị nhiều lần bỏ nhà đi để con nhỏ ở nhà cho chồng nuôi, từ tháng 9/2021 chị không về nhà anh H nữa. Do đó chấp nhận yêu cầu của anh H, giải phóng cho hai bên tự lo cuộc sống riêng của họ.

[3]. Về việc nuôi con chung: Anh có nguyện vọng nuôi con, cháu H dưới 36 tháng tuổi nếu vợ chồng không thỏa thuận được thì giao con cho mẹ nuôi nhưng cháu Trần Gia H đã ở với anh từ nhỏ, chị T không tham gia tố tụng cố tình lẩn trốn, không

trực tiếp chăm sóc nuôi con từ lâu, bố đẻ chị cũng đề nghị nên giao con cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng nên để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho cháu H trong thời điểm hiện nay thì tiếp tục giao cho anh trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận việc anh không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu sau này chị T có đề nghị thay đổi nuôi con sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[4]. Về tài sản chung anh không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5]. Về án phí: anh H phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, khoản 1 Điều 228; điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội cùng Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo.

1. Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa anh Trần Quang H và chị Nguyễn Thị T;

2. Về con chung: Giao con chung là Trần Gia H, sinh ngày 01/4/2020 cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của anh không yêu cầu chị cấp dưỡng nuôi con chung cho anh. Chị T được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: anh H phải nộp 300.000đ án phí ly hôn, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp tại biên lai thu số 0002957 ngày 06/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Trường; anh H đã nộp đủ án phí ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống hợp hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND Tỉnh+ Huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã X;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Ngọc Quỳnh